TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 3 - 2025
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tưởng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Xuân Vinh và bà Trần Thị Ngọc Lan

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Thái - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2024/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 về việc "Ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tô Hồng N, sinh năm: 1989;

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- Bị đơn: Anh Mai Xuân S, sinh năm: 1991;

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 19 tháng 10 năm 2024, nguyên đơn chị Tô Hồng N trình bày:

Chị và anh Mai Xuân S có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 06/8/2019. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, không cùng quan điểm sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, mỗi người một nơi. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn xin ly hôn với anh Mai Xuân Sỷ để ổn định cuộc sống của bản thân.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là Mai

Tô Hiếu A, sinh ngày 17/04/2020. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng xin được nuôi con và yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập cho anh Sỷ nhưng anh Sỷ không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Kết quả xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã Q cho thấy: UBND xã Q đã tống đạt đầy đủ các văn bản, giấy tờ của Tòa án cho anh S, tuy nhiên anh S không đến Tòa án để làm việc.

Ngày 03/02/2025, Toà án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập chị N, anh S đến phiên toà vào ngày 20/02/2025, nhưng anh S vắng mặt không có lý do nên Toà án phải hoãn phiên toà. Ngày 10/3/2025, Toà án mở phiên toà lần hai, tiếp tục triệu tập các bên đương sự đến tham gia phiên toà và đã thực hiện đầy đủ thủ tục tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập cho anh S nhưng anh S vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Tô Hồng Nh không yêu cầu anh Mai Xuân S cấp dưỡng tiền nuôi con

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016;

+ Xét xử vụ án vắng mặt anh Mai Xuân S

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, xử cho chị Tô Hồng N được ly hôn anh Mai Xuân S

+ Về con chung: Giao con chung Mai Tô Hiếu A, sinh ngày 17/04/2020 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu,

+ Về tài sản chung: Không xem xét;

+ Về án phí: Buộc chị N phải nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Tô Hồng N có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Mai Xuân S. Hiện tại bị đơn anh S đang có hộ khẩu thường trú tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn anh Mai Xuân S. Anh S đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng mặt anh Mai Xuân S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Hồng N và anh Mai Xuân S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc chỉ được một thời gian thì xảy ra mẫu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, anh S không quan tâm đến cuộc sống gia đình nên anh chị đã sống ly thân từ năm tháng 9 năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh S đã xảy ra mâu thuẫn, tình cảm, quan hệ vợ chồng, cuộc sống chung giữa hai bên không còn, hiện tại chị N và anh S đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ sống chung của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tô Hồng N, xử cho chị N được ly hôn anh S là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị Nhiên và anh Sỷ có một con chung là Mai Tô Hiếu A, sinh ngày 17/04/2020. Nếu ly hôn chị N có nguyện vọng xin được nuôi con. Xét thấy, hiện tại con đang còn nhỏ cần sự

quan tâm chăm sóc của mẹ. Vì vậy, nguyện vọng xin được nuôi con của chị N là chính đáng, cần căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tại phiên tòa chị N không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con nên không xem xét

[4] Về tài sản chung: Theo lời khai của chị N thì vợ chồng không có tài sản chung nên không xem xét

[5] Về án phí: Chị Tô Hồng N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt anh Mai Xuân S.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, chị Tô Hồng N. Xử cho chị Tô Hồng N được ly hôn với anh Mai Xuân S.

3. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Mai Tô Hiếu A, sinh ngày 17/04/2020 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con do chị N không yêu cầu

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Tô Hồng N phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003475 ngày 03 tháng 12 năm 2024. Chị N đã nộp đủ tiền án phí;

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với

người có mặt) và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà